

Số: 05/2024/QĐST-DS

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1964; địa chỉ: A, T, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: B, C, phường C, quận Đ, tp Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L; Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hồng V, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện

2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức H2- chủ tịch UBND xã.

3. Bà Trần Thị C; địa chỉ: 134, Trường Chinh, phường Quyết Thắng, tp Sơn La, tỉnh Sơn La

4. Bà Nguyễn Thị Hồng L1; địa chỉ: B, Nguyễn Hữu T1, phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Anh Trần Đình Đ; địa chỉ: B, Nguyễn Hữu T1, phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Ông Nguyễn Quang T2; địa chỉ: Số B, ngõ A, đường N, phường T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Anh Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1980; địa chỉ: phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh

6. Bà Nguyễn Thị Mai H4; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;

7. Bà Nguyễn Thị Bích H5; địa chỉ: 2, tổ D, khu phố H, phường T, tp B, tỉnh Đồng Nai;

8. Bà Nguyễn Thị H6; địa chỉ: Số B, ngõ A, T, tổ D, phường Q, tp S, tỉnh Sơn La;

9. Bà Nguyễn Thị Mai H7; địa chỉ: H L, tổ E, phường C, tp S, tỉnh Sơn La;

10. Ông Nguyễn Trọng M; địa chỉ: A, T, tổ A, phường C, tp S, tỉnh Sơn La;

11. Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: A, Lê Đức T3, tp S, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H5, bà H7, bà H6, ông M, ông D, bà C: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: B, C, phường C, quận Đ, tp Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T và các đương sự thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số CK 157509, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 37, diện tích 1180,3m² do UBND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho ông bà Nguyễn Hữu D1, Đặng Thị Kim T4 ngày 07/6/2017;

2.2 Về yêu cầu chia thừa kế:

2.2.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T và các đương sự thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, diện tích 153.6m² tại Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

2.2.2. Về phương án phân chia quyền sử dụng đất có tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 37 diện tích 1180,3m²; thửa đất số 20, tờ bản đồ số 37 diện tích 1633m² tại Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh như sau:

2.2.2.1. Các đương sự thống nhất cắt một phần đất ở phía Nam thửa số 21 và thửa số 20 có ký hiệu S7 = 271,42m² (tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự) để làm đường đi chung.

2.2.2.2. Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 37, các đương sự thống nhất phân chia thành ba phần, cụ thể:

Giao cho ông Nguyễn Quang T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S1= 202,08m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo)

Giao cho ông Nguyễn Quang T2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S2= 200m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo)

Giao cho ông Nguyễn Vũ L và bà Nguyễn Thị H1 được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S3= 665,41m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo)

2.2.2.3. Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 20, tờ bản đồ 37, các đương sự thống nhất phân chia thành ba phần, cụ thể:

Giao cho ông Nguyễn Vũ L được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S4= 578,95m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo). Trong đó, đất ở là 500m², đất trồng cây lâu năm là 78,95m².

Giao cho ông Nguyễn Quang T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S5= 413,94m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo). Trong đó đất ở là 413,94m².

Giao cho ông Nguyễn Quang T2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất có ký hiệu S6= 413,94m²(tại sơ đồ phân chia các thửa đất số 20, 21 tờ bản đồ 37 kèm theo) Trong đó đất ở là 413,94m². Ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Vũ L và bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Quang T2 trực tiếp cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất theo quy định.

Ông Nguyễn Vũ L tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang T2 và bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán giá trị các tài sản trên phần đất các ông bà được chia.

2.3. Về án phí và các chi phí tố tụng:

2.3.1. Về án phí: Ông Nguyễn Quang T tự nguyện chịu 15.997.000đ (Mười lăm triệu, chín trăm chín bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tính trừ cho ông Nguyễn Quang T trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000688, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Ông Nguyễn Quang T còn phải nộp số tiền là 15.697.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm chín bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Quang T2 tự nguyện chịu 15.943.000đ (Mười lăm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Vũ L và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu 15.974.000đ (Mười lăm triệu chín trăm bảy tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Vũ L tự nguyện chịu 12.615.000đ (*Mười hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.3.2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quang T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền thẩm định định giá (Số tiền này ông T đã nộp đầy đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Trần Khắc Hoàng